

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ SINH THÁI TRÀNG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ SINH THÁI TRÀNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANG AN ECOSYSTEM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108272513

**3. Ngày thành lập:** 16/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3 số 82 Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác.)                                                            | 4662        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                            | 4669        |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất                                            | 7410        |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                     | 7020        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                           | 4649(Chính) |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                           | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                       | 4653        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                              | 4659        |
| 9.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                        | 7912        |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                         | 5629        |
| 11. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                        | 4100        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                 | 4220        |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                       | 4620        |
| 14. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                             | 2591        |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                 | 2592        |
| 16. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                  | 2593        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                       | 3314        |
| 18. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>(trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315        |
| 19. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                               | 4520        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229 |
| 21. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311 |
| 22. | Cổng thông tin                                                                                                                                                          | 6312 |
| 23. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 24. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812 |
| 25. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                               | 1820 |
| 26. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                  | 8129 |
| 27. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290 |
| 29. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 33. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 34. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224 |
| 35. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                           | 5621 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 37. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633 |
| 38. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 39. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 40. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                     | 4511 |
| 41. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                            | 4512 |
| 42. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy ( Trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy )                                                 | 4543 |
| 43. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quảng cáo bất động sản                                                 | 6820 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).        | 8299 |
| 45. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 46. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                               | 7729 |
| 47. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                     | 7730 |
| 48. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 49. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |

|     |                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                             | 7920 |
| 51. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                         | 5610 |
| 52. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>( Trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác) | 4530 |
| 53. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                        | 4541 |
| 54. | Đại lý, môi giới, đầu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                            | 4610 |
| 55. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                 | 7320 |
| 56. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                        | 4690 |
| 57. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                  | 4663 |
| 58. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                | 4210 |
| 59. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                           | 4330 |
| 60. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                      | 4390 |
| 61. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                      | 4651 |
| 62. | Bán buôn gạo                                                                                                             | 4631 |
| 63. | In ấn                                                                                                                    | 1811 |
| 64. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                       | 4632 |
| 65. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                             | 2220 |
| 66. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                            | 4513 |
| 67. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                      | 4542 |
| 68. | Quảng cáo                                                                                                                | 7310 |
| 69. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                        | 4312 |
| 70. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                    | 4321 |
| 71. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                           | 4329 |
| 72. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                             | 4661 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.750.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ HÀ NỘI VÀNG | Số 45, đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 222.750    | 2.227.500.000         | 33,000    | 0101395298                                                                                  |         |
|     |                                                |                                                                                      | Tổng số           | 222.750    | 2.227.500.000         | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ ĐỨC HỒNG                                    | Thôn Thanh Hà, Xã Giao Hương, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 229.500    | 2.295.000.000         | 34,000    | B5134077                                                                                    |         |
|     |                                                |                                                                                      | Tổng số           | 229.500    | 2.295.000.000         | 34,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN DUY KHÔI                                  | Tổ 23, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 222.750    | 2.227.500.000         | 33,000    | 013410287                                                                                   |         |
|     |                                                |                                                                                      | Tổng số           | 222.750    | 2.227.500.000         | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN DUY KHÔI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013410287

Ngày cấp: 07/04/2011

Nơi cấp: CA Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 23, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 23, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội